

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch / Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên
Ông Phan Văn Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đặng Thị Lành	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phan Võ Đăng Khoa	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

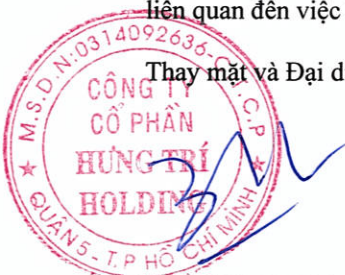
Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Bá Trí
Chủ tịch
Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Số: 503HN/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2022, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1



Lê Huy Bình
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4779-2019-042-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		527.392.913.172	546.600.408.594
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	31.064.111.496	48.967.931.658
1. Tiền	111		31.064.111.496	48.967.931.658
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5	289.924.886.137	231.556.411.190
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		290.603.769.448	214.043.788.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.541.193.229	15.370.892.501
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.667.186.556
4. Các khoản phải thu khác	136		14.341.415.316	15.015.650.323
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(32.561.491.856)	(20.541.107.092)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		193.780.938.798	254.585.559.395
1. Hàng tồn kho	141		193.780.938.798	254.585.559.395
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		12.622.976.741	11.490.506.351
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		214.058.813	705.690.737
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.065.054.446	10.586.965.059
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		343.863.482	197.850.555
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.901.114.061	182.276.633.659
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1.720.203.000	1.720.203.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.720.203.000	1.720.203.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		123.601.492.882	138.456.289.276
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	80.732.208.158	90.200.979.809
Nguyên giá	222		173.530.015.647	175.157.072.556
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.797.807.489)	(84.956.092.747)
2. Tài sản thuê tài chính	224	7	10.375.074.820	15.265.356.556
Nguyên giá	225		24.461.408.181	24.461.408.181
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.086.333.361)	(9.196.051.625)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	32.494.209.904	32.989.952.911
Nguyên giá	228		34.759.690.354	34.759.690.354
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.265.480.450)	(1.769.737.443)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	9	12.859.172.931	12.859.172.931
Nguyên giá	241		12.859.172.931	12.859.172.931
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	1.887.418.718
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.887.418.718
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		25.534.233.735	25.738.518.289
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	16.584.233.735	16.788.518.289
2. Đầu tư dài hạn khác	253	11	8.950.000.000	8.950.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.186.011.513	1.615.031.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.186.011.513	1.615.031.445
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		695.294.027.233	728.877.042.253

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		370.468.494.274	411.817.247.808
I. Nợ ngắn hạn	310		281.868.314.996	317.472.531.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		74.818.600.672	68.533.646.534
2. Người mua trả tiền trước	312		98.257.550.507	103.620.648.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	10.132.697.470	10.470.054.917
4. Phải trả công nhân viên	314		246.000.000	285.300.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.678.295.766	9.025.795.357
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		6.437.419.146	7.860.347.645
7. Vay ngắn hạn	320	13	62.778.910.659	98.856.812.357
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	5.315.073.572	6.030.654.543
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		15.203.767.204	12.789.271.871
II. Nợ dài hạn	330		88.600.179.278	94.344.716.054
1. Phải trả dài hạn khác	337		5.790.500.000	5.790.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	82.809.679.278	88.554.216.054
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.825.532.959	317.059.794.445
I. Vốn chủ sở hữu	410		324.825.532.959	317.059.794.445
1. Vốn điều lệ	411	16	159.667.160.000	159.667.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		159.667.160.000	159.667.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.854.834.000	10.854.834.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.762.582.000	20.762.582.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.441.315.332	22.441.315.332
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.386.115.510	6.541.709.243
6. Lợi nhuận chưa phân phối:	421		23.979.104.780	17.640.964.802
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.628.355.276	(5.184.773.677)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.350.749.504	22.825.738.479
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	18	79.734.421.337	79.151.229.068
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		695.294.027.233	728.877.042.253



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022




NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng	01		626.702.403.693	749.869.182.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	19	626.702.403.693	749.869.182.815
4. Giá vốn hàng bán	11	20	498.243.353.738	599.322.411.638
5. Lợi nhuận gộp	20		128.459.049.955	150.546.771.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.244.603.080	217.891.343
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	11.921.366.911	16.689.025.704
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.363.169.396</i>	<i>15.766.990.486</i>
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	10	(204.284.555)	(949.696.006)
9. Chi phí bán hàng	25	23	16.227.856.143	15.784.794.146
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	64.202.984.296	72.182.563.563
11. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		38.147.161.130	45.158.583.101
12. Thu nhập khác	31		1.285.948.368	440.917.231
13. Chi phí khác	32		256.045.756	344.733.013
14. Lợi nhuận khác	40		1.029.902.612	96.184.218
15. Lãi kế toán trước thuế	50		39.177.063.742	45.254.767.319
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	7.161.277.104	9.100.964.325
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.015.786.638	36.153.802.994
<i>Phân bổ cho:</i>				
<i>18.1 Cổ đông của Công ty</i>	61		<i>21.635.155.771</i>	<i>25.494.469.022</i>
<i>18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	62		<i>10.380.630.867</i>	<i>10.659.333.972</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.097	1.235


PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

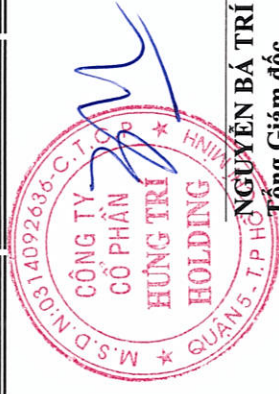
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác		Quỹ khác		Quỹ Đầu tư & Phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông thiểu số		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Tại ngày 01/01/2020	152.064.570.000		10.854.834.000		13.105.282.000		5.272.637.821		22.441.315.332		23.883.568.797		72.861.602.189		300.483.810.139
Tăng vốn trong năm	7.602.590.000		-		7.657.300.000		-		-		(19.093.110.000)		3.833.220.000		-
Lợi nhuận	-		-		-		-		-		25.494.469.022		10.659.333.972		36.153.802.994
Trích quỹ	-		-		-		2.668.730.543		-		(2.668.730.543)		-		-
Trích quỹ khen thưởng	-		-		-		-		-		(3.769.718.146)		-		(3.769.718.146)
Chi từ quỹ	-		-		-		(1.399.659.121)		-		-		-		(1.399.659.121)
Cổ tức	-		-		-		-		-		(7.603.228.500)		(8.012.474.406)		(15.615.702.906)
Điều chỉnh khác	-		-		-		-		-		1.397.714.172		(190.452.687)		1.207.261.485
Tại ngày 31/12/2020	159.667.160.000		10.854.834.000		20.762.582.000		6.541.709.243		22.441.315.332		17.640.964.802		79.151.229.068		317.059.794.445
Tăng vốn trong năm	-		-		-		-		-		-		-		-
Lợi nhuận	-		-		-		-		-		21.635.155.771		10.380.630.867		32.015.786.638
Trích quỹ	-		-		-		2.284.406.267		-		(2.284.406.267)		-		-
Trích quỹ khen thưởng	-		-		-		-		-		(1.835.908.327)		-		(1.835.908.327)
Chi từ quỹ	-		-		-		(1.440.000.000)		-		-		-		(1.440.000.000)
Cổ tức	-		-		-		-		-		(11.176.701.200)		(8.523.215.798)		(19.699.916.998)
Điều chỉnh khác	-		-		-		-		-		1		(1.274.222.800)		(1.274.222.799)
Tại ngày 31/12/2021	159.667.160.000		10.854.834.000		20.762.582.000		7.386.115.510		22.441.315.332		23.979.104.780		79.734.421.337		324.825.532.959



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	39.177.063.742	45.254.767.319
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.630.715.144	17.516.710.373
Các khoản dự phòng	03	(715.580.971)	(964.223.106)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(17.128.455)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.838.731.565)	(56.841.160)
Chi phí lãi vay	06	11.363.169.396	15.766.990.486
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.599.507.291	77.517.403.912
Tăng các khoản phải thu	09	(59.992.577.261)	45.904.778.202
Giảm hàng tồn kho	10	60.804.620.597	75.420.032.120
Giảm các khoản phải trả	11	3.377.010.906	(84.312.040.342)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.079.348.144)	(556.843.864)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.925.976.671)	(11.091.420.405)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.611.598.186)	(9.343.480.894)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	4.950.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.440.000.000)	(1.399.659.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.731.638.532	97.089.269.608
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	1.887.418.718	(35.785.559.995)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	466.263.068	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(4.675.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	1.596.549.747	56.841.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.950.231.533	(40.403.718.835)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	145.865.035.791	240.836.087.798
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(187.750.809.020)	(252.062.592.253)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.699.916.998)	(15.615.702.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.585.690.227)	(26.842.207.361)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.903.820.162)	29.843.343.412
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.967.931.658	19.124.588.246
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	31.064.111.496	48.967.931.658



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (gọi tắt là “Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0314092636, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2016 và do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Sản xuất máy thông dụng khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Tập đoàn có 8 công ty con và 5 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Tâm	58,60%	58,60%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	98,75%	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	70,31%	70,31%	Lắp đặt hệ thống điều hoà
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	96,56%	100%	Dịch vụ cho thuê mặt bằng
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	63,28%	63,28%	Lắp đặt, bảo trì hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí	59,76%	59,76%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Recom	66,85%	66,85%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	70,00%	70,00%	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	24,15%	24,15%	Sản xuất cửa kho lạnh
Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng	12,86%	12,86%	Dịch vụ kho lạnh
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	50,00%	50,00%	Thiết bị Inox
Công ty TNHH Hiệu suất XAERUS Việt Nam	30,00%	30,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	2.585.410.341	1.974.584.643
Tiền gửi ngân hàng	28.478.701.155	46.993.347.015
VND	27.576.995.290	36.552.663.760
USD	884.170.743	10.418.968.064
EUR	17.535.122	21.715.191
	<u>31.064.111.496</u>	<u>48.967.931.658</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	(1) 290,603,769,448	214,043,788,902
Trả trước cho người bán	(2) 17,541,193,229	15,370,892,501
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	7,667,186,556
Phải thu khác	(3) 14,341,415,316	15,015,650,323
	<u>322,486,377,993</u>	<u>252,097,518,282</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(32,561,491,856)	(20,541,107,092)
	<u>289,924,886,137</u>	<u>231,556,411,190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:		
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hoa Hồng	7.697.558.523	7.697.558.523
Công ty Cổ phần Ống thép Hà Nội	-	8.778.938.000
Công ty CP ĐT TM DV Gigamal	7.577.411.076	11.577.411.076
Công ty CP ĐTPT Đô thị Long Giang	17.811.376.009	8.523.803.596
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu Khí - Công ty CP Asahi Planning Office Inc	7.554.929.251	7.554.929.251
Công ty TNHH KM Phương Nam	14.708.651.609	8.686.510.871
Công ty TNHH Bệnh viện Phương Nam	6.228.597.283	-
Công ty TNHH Bệnh viện Phương Nam	11.136.816.585	9.349.940.762
Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng	27.575.884.430	6.797.997.630
Công ty Cổ phần Thủy sản Chất Lượng Vàng	28.940.889.065	28.940.889.065
Các khách hàng khác	161.371.655.617	116.135.810.128
	290.603.769.448	214.043.788.902
(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Kobelco Compressors Việt Nam	-	6.537.866.500
Công ty Cổ Phần Hùng Phương	1.002.100.000	836.500.000
Công Ty Cổ Phần Greenpan	1.633.261.217	-
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	1.856.460.600	-
Các khách hàng khác	13.049.371.412	7.996.526.001
	17.541.193.229	15.370.892.501
(3) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu tạm ứng	-	600.000.000
Ký cược, ký quỹ	2.736.628.781	2.211.062.465
Phải thu ngắn hạn khác	11.604.786.535	12.204.587.858
	14.341.415.316	15.015.650.323
(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA	3.587.290.000	3.587.290.000
Phải thu của các đối tượng khác	3.387.446.535	3.987.247.858
	11.604.786.535	12.204.587.858

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 01/01/2021	146.185.990.164	16.106.807.745	9.664.606.531	3.199.668.116	175.157.072.556
Tăng	-	-	-	-	-
+ <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-
+ <i>XDCB chuyển sang</i>	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(1.367.056.909)	(260.000.000)	(1.627.056.909)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2021	146.185.990.164	16.106.807.745	8.297.549.622	2.939.668.116	173.530.015.647

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2021	68.927.751.074	6.925.960.187	6.610.952.304	2.491.429.182	84.956.092.747
Khấu hao:	6.323.133.199	1.890.793.042	771.269.842	259.494.318	9.244.690.401
+ <i>Trích trong năm</i>	6.323.133.199	1.890.793.042	771.269.842	259.494.318	9.244.690.401
Thanh lý	-	-	(1.142.975.659)	(260.000.000)	(1.402.975.659)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2021	75.250.884.273	8.816.753.229	6.239.246.487	2.490.923.500	92.797.807.489

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2021	77.258.239.090	9.180.847.558	3.053.654.227	708.238.934	90.200.979.809
Tại 31/12/2021	70.935.105.891	7.290.054.516	2.058.303.135	448.744.616	80.732.208.158

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 11.717.760.079 VNĐ (31/12/2020: 11.262.516.986VNĐ)

Tập đoàn đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

- + 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 11 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Tập đoàn.
- + 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 13 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị
NGUYÊN GIÁ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2021	24.461.408.181
Tại ngày 31/12/2021	<u>24.461.408.181</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2021	9.196.051.625
Khấu hao trong năm	4.890.281.736
Tại ngày 31/12/2021	<u>14.086.333.361</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2021	<u>15.265.356.556</u>
Tại ngày 31/12/2021	<u>10.375.074.820</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2021	32.425.857.136	2.333.833.218	34.759.690.354
Tăng trong năm	-	-	-
+ Mua trong năm	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-
Tại 31/12/2021	<u>32.425.857.136</u>	<u>2.333.833.218</u>	<u>34.759.690.354</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2021	-	1.769.737.443	1.769.737.443
Khấu hao trong năm	-	495.743.007	495.743.007
Tại 31/12/2021	-	<u>2.265.480.450</u>	<u>2.265.480.450</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	<u>32.425.857.136</u>	<u>564.095.775</u>	<u>32.989.952.911</u>
Tại 31/12/2021	<u>32.425.857.136</u>	<u>68.352.768</u>	<u>32.494.209.904</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
Tại ngày 31/12/2021	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	1.527.131.140	1.314.043.511
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	1.846.981.630	2.533.522.919
Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng (*)	7.875.000.000	7.875.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	4.135.120.965	3.865.951.859
Công ty TNHH Hiệu suất Xaerus Việt Nam (*)	1.200.000.000	1.200.000.000
	16.584.233.735	16.788.518.289

(*) Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc do tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này chưa thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị này.

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific		
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>1.014.240.000</i>	<i>1.014.240.000</i>
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	<i>512.891.140</i>	<i>299.803.511</i>
	1.527.131.140	1.314.043.511
Tổng tài sản	7.733.791.320	7.063.954.232
Tổng công nợ	1.396.398.750	1.338.016.594
Tài sản thuần	6.337.392.570	5.725.937.638
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	1.527.131.140	1.379.787.914
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu	4.756.980.710	4.107.789.124
Lợi nhuận thuần	884.285.521	(272.830.589)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	213.087.629	(65.744.403)
	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	VND	VND
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>2.355.150.000</i>	<i>2.355.150.000</i>
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	<i>(508.168.370)</i>	<i>178.372.919</i>
	1.846.981.630	2.533.522.919

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	8.845.360.256	19.980.913.685
Tổng công nợ	3.559.447.288	12.730.174.728
Tài sản thuần	5.285.912.968	7.250.738.957
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	1.846.981.629	2.533.522.919

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	3.414.243.000	8.829.961.487
Lợi nhuận thuần	(1.964.825.989)	(264.269.422)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	(686.541.289)	(92.339.918)

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm		
<i>Giá trị đầu tư</i>	7.200.000.000	7.200.000.000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	(3.064.879.035)	(3.334.048.141)
	4.135.120.965	3.865.951.859

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	29.586.008.261	37.004.828.359
Tổng công nợ	21.315.766.331	29.272.924.641
Tài sản thuần	8.270.241.930	7.731.903.718
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	4.135.120.965	3.865.951.859

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	45.826.249.997	20.465.443.139
Lợi nhuận thuần	538.338.212	(1.583.223.372)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	269.169.106	(791.611.686)

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	8.950.000.000
	8.950.000.000	8.950.000.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	5.065.614.177	2.910.586.191
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.031.755.193	7.499.766.460
Thuế Thu nhập cá nhân	35.328.100	59.702.266
	10.132.697.470	10.470.054.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	12.748.835.987	27.632.591.133
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	25.557.008.000	30.419.118.032
Ngân hàng Standard Chartered Bank	-	20.293.764.920
Vay các cá nhân	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>24.473.066.672</u>	<u>20.511.338.272</u>
	<u>62.778.910.659</u>	<u>98.856.812.357</u>

+ Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận bao gồm 3 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số số 01/2021/1452090/HĐTD ký ngày 08/6/2021 của Tập đoàn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, hạn mức là 90.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.
- Tại ngày 23/08/2021, Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với hạn mức là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất và thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nợ và không quá 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản tại số 51 Trần Phú và số 315/7 Trần Bình Trọng, phường 4, quận 5, Tp Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng ngắn hạn số 01/2021/1458165/HĐTD ký ngày 14/05/2021 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với hạn mức là 40.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Bất động sản gồm nhà và đất tại số 51 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.

+ Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1698/2021/1452090/HĐTD ký ngày 08/6/2021 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ, Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, bảo lãnh. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB được thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay, đảm bảo tiền gửi: ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh đối với tất cả các loại bảo lãnh bằng tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Tập đoàn áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Tập đoàn về xác suất các sản phẩm lỗi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	7.264.600.000	11.348.600.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	3.179.590.935	6.488.690.007
Vay các cá nhân	72.365.488.343	70.716.926.047
	<u>82.809.679.278</u>	<u>88.554.216.054</u>

Tại ngày 06/3/2017, Tập đoàn đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức là 15.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán tiền mượn tạm từ cổ đông của công ty và thanh toán đợt cuối liên quan đến chi phí mua văn phòng làm việc tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Trong năm, Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê tài chính với công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng thuê. Các khoản vay này được bảo đảm bằng chính tài sản thuê.

Khoản vay dài hạn cá nhân là khoản công ty vay tín chấp của cán bộ công nhân viên công ty với thời hạn vay là 24 tháng và lãi suất như sau: vay bằng VND là 0,7%/tháng và USD là 0,25%/tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	24.473.066.672	20.511.338.272
Trong năm thứ hai	77.570.826.615	80.002.264.319
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.238.852.663	8.551.951.735
Sau năm năm	-	-
	<u>107.282.745.950</u>	<u>109.065.554.326</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(24.473.066.672)</u>	<u>(20.511.338.272)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>82.809.679.278</u>	<u>88.554.216.054</u>

16. VỐN ĐIỀU LỆ

Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận		31/12/2021		Vốn thực góp		01/01/2021	
	Đăng ký Doanh nghiệp							
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Bá Trí	45.420.400.000	28,45	45.420.400.000	28,45	45.420.400.000	28,45		
Ông Đặng Anh Tâm	19.316.450.000	12,10	19.316.450.000	12,10	19.316.450.000	12,10		
Ông Bùi Quốc Hưng	25.631.580.000	16,05	25.631.580.000	16,05	25.579.790.000	16,02		
Ông Fuco Rudyanto Chandra	15.885.900.000	9,95	15.885.900.000	9,95	15.885.900.000	9,95		
Cổ đông khác	53.412.830.000	33,45	53.412.830.000	33,45	53.464.620.000	33,48		
	<u>159.667.160.000</u>	<u>100</u>	<u>159.667.160.000</u>	<u>100</u>	<u>159.667.160.000</u>	<u>100</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	31/12/2021	01/01/2021
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.966.716	15.966.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	79.151.229.068	72.861.602.189
Vốn điều lệ góp bởi các cổ đông không kiểm soát	-	3.833.220.000
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	10.380.630.867	10.659.333.972
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(8.523.215.798)	(8.012.474.406)
Các điều chỉnh khác	(1.274.222.800)	(190.452.687)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>79.734.421.337</u>	<u>79.151.229.068</u>

19. DOANH THU

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu công trình	66.484.156.971	20.269.511.194
- Doanh thu bán hàng hóa	540.700.991.813	696.540.465.261
- Doanh thu dịch vụ	19.517.254.909	33.059.206.360
	626.702.403.693	749.869.182.815
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	626.702.403.693	749.869.182.815

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bao gồm:		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	49.581.153.907	13.309.449.113
- Giá vốn thành phẩm đã bán	447.945.251.812	574.044.679.102
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	716.948.019	11.968.283.423
	498.243.353.738	599.322.411.638

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	112.468.913	56.841.160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.484.080.834	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.446.726	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	589.606.607	161.050.183
	<u>2.244.603.080</u>	<u>217.891.343</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	11.363.169.396	15.766.990.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.318.271	75.501.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	516.567.419	838.139.980
Khác	311.825	8.393.335
	<u>11.921.366.911</u>	<u>16.689.025.704</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	8.369.911.829	8.533.508.018
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	55.702.183	23.600.547
Chi phí bảo hành	6.494.778.210	5.899.151.449
Chi phí khấu hao	266.098.360	280.818.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	937.065.336	1.030.215.817
Chi phí khác bằng tiền	104.300.225	17.500.000
	<u>16.227.856.143</u>	<u>15.784.794.146</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	24.489.720.243	27.070.438.546
Chi phí dự phòng	12.068.634.664	7.775.549.899
Chi phí đồ dùng văn phòng	369.300.575	282.655.075
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.170.123.024	3.083.864.133
Thuế, phí và lệ phí	1.199.691.196	1.760.323.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.083.824.934	12.548.057.286
Chi phí khác	16.821.689.660	19.661.675.285
	<u>64.202.984.296</u>	<u>72.182.563.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2021	2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	39.177.063.742	45.254.767.319
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(1.484.080.834)	-
Lãi của các công ty liên kết	(8.803.074)	1.015.440.408
Chuyển lỗ năm trước ở công ty con	(1.178.963.214)	(37.540.712)
Cộng: Lỗ của các công ty con	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	398.046.281	1.415.985.340
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	-
Thu nhập chịu thuế	36.903.262.901	47.648.652.355
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	8.133.159.036	10.083.341.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.031.381.932)	(982.377.141)
Thuế phải nộp theo quyết toán những năm trước	59.500.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.161.277.104</u>	<u>9.100.964.325</u>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2021	2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.635.155.771	25.494.469.022
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.120.314.594)	(6.438.448.689)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.514.841.177	19.056.020.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.966.716	15.427.245
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.097</u>	<u>1.235</u>


PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

THÔNG TIN THÊM:**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẬP ĐOÀN NĂM 2021**

CHỈ TIÊU	NĂM 2021									
	HOLDING	CÓ PHẦN	HOÀNG TÂM	AC&R	BA HUẤN	RECOM	TVT&K	LIÊN KẾT	TỔNG CỘNG	
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN HN	20.162.662.879	26.580.120.363	3.168.912.610	4.007.096.749	1.764.372.618	1.032.935.346	188.198.500	-	56.904.299.065	
2. Ảnh hưởng của Điều chỉnh HN:										
2.1 Phần TN từ Goldvest Pacific	-	(213.087.629)	-	-	-	-		213.087.629	-	
2.2 Phần TN từ Iwatani	-	-	-	-	-	-		(686.541.289)	(686.541.289)	
2.3 Phần TN từ Inox Hoàng Tâm	-	-	-	-	-	-		269.169.106	269.169.106	
2.4 Cổ tức từ Hưng Trí CP	(14.293.634.000)	-	-	-	-	-		-	(14.293.634.000)	
2.5 Cổ tức từ Ba Huấn	(3.215.677.947)	-	(357.297.550)	-	-	-		-	(3.572.975.497)	
2.6 Cổ tức từ Hoàng Tâm	(2.354.168.072)	(401.735.166)	-	-	-	-		-	(2.755.903.238)	
2.7 Cổ tức từ AC&R	(3.848.627.505)	-	-	-	-	-		-	(3.848.627.505)	
3. Lợi nhuận sau điều chỉnh HN	(3.549.444.645)	25.965.297.568	2.811.615.060	4.007.096.749	1.764.372.618	1.032.935.346	188.198.500	(204.284.555)	32.015.786.638	
4. Phần chia lợi nhuận:										
4.1 Công ty mẹ	(3.549.444.645)	17.158.804.517	1.722.491.485	3.957.008.040	1.703.732.896	715.109.086	131.738.950	(204.284.555)	21.635.155.771	
4.2 Cổ đông không kiểm soát	-	8.806.493.051	1.089.123.575	50.088.709	60.639.722	317.826.260	56.459.550	-	10.380.630.867	



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 15 tháng 3 năm 2022



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc